

Số: **25/2020/QĐST-HNGĐ**

Ba Bể, ngày 19 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2020/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1983

- Bị đơn: Anh Ban Văn K, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị N, sinh năm 1983 và anh Ban Văn K, sinh năm 1975

- Cùng trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị N và anh Ban Văn K thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Hà Thị N và anh Ban Văn K có 01 (Một) con chung tên là Ban Mạnh L sinh ngày 06/11/2003. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị Hà Thị N và anh Ban Văn K thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho anh Ban Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị N và anh Ban Văn K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Chị Hà Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* *Về nợ chung, cho vay nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* *Về án phí*: Chị Hà Thị N phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Ban Văn K phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Hà Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị N đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03746 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Hà Thị N được hoàn trả lại số tiền 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Hà Thị N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh + BBGN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thế Hùng